

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11-11-2019

“Về việc ly hôn và  
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Yên N

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Nguyễn Đình N.

2- Bà Nguyễn Thị Như T.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh N- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Y HL - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trương Công C**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố PT, thị trấn PT huyện T, tỉnh P.

Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Đinh Thị Thu K**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn AH, xã PA, huyện Đ, tỉnh G.

Chị K vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Công C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Thu K qua thời gian tìm hiểu được hai bên gia đình đồng ý đã sống chung với nhau từ năm 2012, có con chung vào năm 2012 nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình 2, thị trấn Phú Thù, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Việc kết hôn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2013 đến nay, chị K đã bỏ về nhà cha mẹ để ở thôn An Hòa, xã Phú An, huyện Đ, tỉnh G sống. Nhưng chỉ một thời gian ngắn thì chị K đã bỏ nhà đi, anh C và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có kết quả. Anh C đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị K mất tích. Ngày 24/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên bố chị K mất tích. Sau

khi bị tuyên bố mất tích anh C và gia đình cũng không có tin tức gì về chị K. Anh C nhận thấy tình trạng vợ chồng đã ly thân nhau phần ai nấy sống từ lâu, thực sự không còn tình cảm gì với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị Thu K.

Về con chung: Anh C và chị K có 01 con chung là cháu Trương K O, sinh ngày 25/9/2012, từ lúc chị K bỏ đi đến nay anh C là người trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh là được tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay anh C làm nghề trang trí nội thất, có thu nhập hàng tháng ổn định, bình quân là 6.000.000 đồng/tháng nên anh C có đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Không có nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Đối với bị đơn chị Đinh Thị Thu K:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ đã tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập lấy lời khai; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng bản sao tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án; Thông báo về phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập phiên tòa, nhưng chị K đều không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai cũng như tài liệu, chứng cứ; không tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa.

### 3. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc chấp hành của nguyên đơn theo giấy triệu tập của Tòa án đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015; các điều 55,56, 81,82 và điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh C về yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là cháu O; Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, nội dung và hình thức đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là chị Đinh Thị Thu K có nơi cư trú cuối cùng tại thôn An Hòa, xã Phú An, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy anh Trương Công C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 40 của Bộ luật

Tổ tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Công C và chị Đinh Thị Thu K sống chung với nhau từ năm 2012, đến năm 2013 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh C, giữa anh và chị K phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị K chuyển về sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn An Hòa, xã Phú An, huyện Đ, tỉnh G. Từ cuối năm 2013, chị K bỏ đi khỏi địa phương biệt tích nên anh C đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị K mất tích. Chị K đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST-DS ngày 24/5/2019. Kể từ đó tới nay, không có tin tức gì của chị K nên anh C làm đơn xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C: Anh C cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2013, chị K nhiều lần bỏ nhà đi, anh đã sử dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có tin tức gì. Như vậy thể hiện chị K không còn quan tâm gì đến anh C nữa. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị K là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh C, xử cho anh C được ly hôn với chị K theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Anh C và chị K có 01 con chung là Trương K O, sinh ngày 25/9/2012. Hiện nay, cháu O đang sống chung với anh C. Anh C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng của cháu O: Cháu O có mong muốn được ở với cha. Xét điều kiện thực tế, anh C trong độ tuổi lao động, có sức khỏe và thu nhập kinh tế hàng tháng ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Từ trước đến nay anh C có đủ điều kiện chăm sóc con, đảm bảo cho con phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Mặt khác chị K đã bỏ đi biệt tích từ năm 2013 và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Nên cần giao cháu O cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế cũng như nguyện vọng của con trên 7 tuổi theo đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh C đã được giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn khai không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trương Công C.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trương Công C được ly hôn với chị Đinh Thị Thu K.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho anh Trương Công C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trương K O, sinh ngày 25/9/2012 cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Đinh Thị Thu K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu theo yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Anh Trương Công C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004440 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh G. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Hòa Bình 2, thị trấn Phú Thứ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Yến N**

